

Số: 2470 /KH-TCTĐA06

Ninh Thuận, ngày 07 tháng 6 năm 2022

KẾ HOẠCH

Tổ chức Hội nghị sơ kết 06 tháng đầu năm 2022 về kết quả triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

Thực hiện Kế hoạch số 590/KH-UBND ngày 15/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (gọi tắt là Đề án 06/CP); chỉ đạo của Tổ công tác triển khai Đề án 06 của Chính phủ về báo cáo sơ kết 06 tháng đầu năm 2022 về kết quả triển khai thực hiện Đề án 06/CP tại địa phương; Tổ công tác Đề án 06 tỉnh xây dựng kế hoạch tổ chức Hội nghị sơ kết 06 tháng đầu năm về kết quả triển khai thực hiện Đề án 06/CP trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Thông qua Hội nghị sơ kết nhằm nâng cao nhận thức, tiếp tục xác định ý nghĩa tầm quan trọng, tính cấp bách của việc triển khai thực hiện Đề án 06/CP trên địa bàn tỉnh, qua đó tạo sự đồng thuận, chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của các Sở, ban, ngành, địa phương, góp phần thực hiện thành công việc chuyển đổi số quốc gia giai đoạn năm 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn.

2. Đánh giá đúng thực trạng tình hình, kết quả qua 06 tháng triển khai thực hiện Đề án 06/CP; những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện, từ đó chủ động đề ra những giải pháp khắc phục thực hiện có hiệu quả Đề án 06/CP tại địa phương trong thời gian tới.

3. Việc tổ chức Hội nghị phải thực sự nghiêm túc, hiệu quả, tiết kiệm; đảm bảo đầy đủ nội dung chương trình và thời gian đề ra.

II. NỘI DUNG

1. Tiến hành sơ kết đánh giá tình hình, kết quả qua 06 tháng triển khai thực hiện Đề án 06/CP trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở đó đề ra phương hướng, giải pháp thực hiện nhiệm vụ cuối năm 2022.

2. Các thành viên Tổ công tác Đề án 06/CP tỉnh, cấp huyện tiến hành thảo luận.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Tổ trưởng Tổ công tác Đề án 06 tỉnh phát biểu kết luận, chỉ đạo Hội nghị.

III. THÀNH PHẦN

1. Điểm cầu UBND tỉnh:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Tổ trưởng Tổ công tác Đề án 06 tỉnh (*Chủ trì*);
- Giám đốc Công an tỉnh, Tổ phó Thường trực Tổ công tác Đề án 06 tỉnh;
- Thành viên Tổ công tác Đề án 06 tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Đài Phát thanh truyền hình tỉnh, Báo Ninh Thuận, Truyền hình An ninh Ninh Thuận (*đưa tin*).

(Đối với các thành viên Tổ công tác Đề án 06 tỉnh thuộc UBND cấp huyện dự tại điểm cầu UBND cấp huyện)

2. Điểm cầu UBND các huyện, thành phố:

- Thường trực Huyện ủy/Thành ủy;
- Chủ tịch UBND cấp huyện - Tổ trưởng Tổ công tác Đề án 06/CP cấp huyện;
- Các thành viên Tổ công tác Đề án 06 cấp huyện (*Do UBND cấp huyện mời*).

3. Điểm cầu UBND các xã, phường, thị trấn:

- Bí thư Đảng ủy xã/phường/thị trấn;
- Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn - Tổ trưởng Tổ công tác Đề án 06/CP cấp xã;
- Các thành viên Tổ công tác Đề án 06 cấp xã, thôn, khu phố (*Do UBND cấp xã mời*).

IV. THỜI GIAN, HÌNH THỨC

1. **Thời gian:** Dự kiến cuối tháng 6/2022 (*có Giấy mời riêng*).

2. **Hình thức:** Hội nghị trực tuyến

V. **TIÊU ĐỀ HỘI NGHỊ** (*Nền màu đỏ, viền và chữ màu vàng*)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

HỘI NGHỊ

Sơ kết 06 tháng đầu năm 2022 về kết quả triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

Ninh Thuận, ngày tháng 6 năm 2022

VI. KINH PHÍ PHỤC VỤ HỘI NGHỊ

Thực hiện theo quy định tài chính hiện hành. Kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp quản lý ngân sách theo quy định của pháp luật.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công an tỉnh

- Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh phát hành Giấy mời, chuẩn bị Hội trường và các nội dung có liên quan để phục vụ Hội nghị trực tuyến đảm bảo chu đáo, an toàn, tuân thủ công tác phòng, chống dịch Covid-19 theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh chuẩn bị báo cáo sơ kết, nội dung tham luận của các đơn vị, địa phương, in ấn tài liệu phục vụ hội nghị và làm công tác tổ chức Hội nghị; chuẩn bị bài phát biểu kết luận Hội nghị của đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh - Tổ trưởng Tổ công tác Đề án 06 tỉnh.

2. Các Sở, ban, ngành, địa phương

- Các Sở, ban, ngành, địa phương chủ động **xây dựng báo cáo tham luận và báo cáo sơ kết 06 tháng đầu năm 2022** triển khai thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 590/KH-UBND ngày 15/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, gửi về cơ quan thường trực Tổ công tác Đề án 06 tỉnh - Công an tỉnh (qua Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội – Gửi trước file mềm qua địa chỉ gmail phanchien0784@gmail.com) **trước ngày 12/6/2022** để tổng hợp (có đề cương báo cáo gửi kèm).

- UBND cấp huyện, cấp xã: Chủ trì Hội nghị trực tuyến tại điểm cầu cấp huyện, cấp xã. Chỉ đạo chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức hội nghị theo kế hoạch; chuẩn bị nội dung và tham luận tại Hội nghị; triệu tập, mời đại biểu tham dự Hội nghị theo đúng thành phần và thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19 theo quy định.

(Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 2160/KH-TCTĐA06 ngày 22/5/2022 của Tổ trưởng Tổ công tác Đề án 06 tỉnh)

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục C06 - Bộ Công an;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đơn vị tại Mục III;
- Công an các huyện, thành phố;
- VPUB: LD, KTTH, VXNV;
- Lưu: VT, TCDNC. QMT

TỔ TRƯỞNG



CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Trần Quốc Nam

UBND TỈNH NINH THUẬN
TỔ CÔNG TÁC ĐỀ ÁN 06 TỈNH



ĐỀ CƯƠNG
BÁO CÁO SƠ KẾT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN “PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG DỮ LIỆU DÂN CƯ, ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ PHỤC VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2022 – 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030”

(kèm theo Kế hoạch số 147/KH-TCTĐA06 ngày 07/6/2022 của Tổ công tác Đề án 06 tỉnh)

I. KHÁT QUÁT TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN 06

1. Công tác chỉ đạo triển khai

1.1. Kết quả

a) Kế hoạch triển khai, kết quả triển khai trong chỉ đạo, phân công, đôn đốc, kiểm tra, giám sát.

b) Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị?

1.2. Tồn tại, vướng mắc

2. Kết quả các mặt công tác

2.1. Về triển khai dịch vụ công (DVC)

a) Kết quả điều tra cơ bản, khảo sát:

- Về công dân trên địa bàn về am hiểu công nghệ, sử dụng thiết bị máy tính, internet để đăng ký giải quyết DVC như thế nào?

- Về tỉ lệ dịch vụ đăng ký DVC trên địa bàn dịch vụ nào nhiều nhất, dịch vụ nào ít nhất.

b) Hiện trạng việc giải quyết các hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, trong đó:

- Hiện trạng hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của các đơn vị một cửa, các bộ phận chuyên môn (*quy trình thực hiện trên phần mềm còn các hạn chế gì? Tốc độ xử lý của các hệ thống thông tin này? Cơ chế xử lý giúp cán bộ không cần nhiều việc xử lý giấy tờ bên ngoài? Cơ chế liên thông dữ liệu với các dữ liệu chuyên ngành? Cơ chế xác thực dữ liệu người dân kê khai?*);

- Hiện trạng việc xử lý các thủ tục hành chính liên thông tại bộ phận một cửa, các bộ phận chuyên môn (*khó khăn về người dân, khó khăn về cán bộ, khó khăn về các quy định pháp lý?*);

- Khả năng tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên hệ thống của Cán bộ tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đã được tối ưu hóa; Quy trình đã thuận lợi cho người dân kê khai và nộp hồ sơ trực tuyến;

- Việc hỗ trợ điền thông tin có sẵn trong cơ sở dữ liệu vào biểu mẫu điện tử đã được triển khai như thế nào;

- Công tác tuyên truyền 25 DVC thiết yếu; Phản ánh của người dùng đối với giao diện, Eform được cung cấp trên Cổng dịch vụ công.

c) Hiện trạng quy trình phối hợp nghiệp vụ thực hiện thủ tục liên thông: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; Quy trình nghiệp vụ phối hợp giữa các đơn vị tư pháp, công an, BHXH (*nêu rõ thực trạng, tồn tại, nguyên nhân và nguy cơ và nêu rõ quy trình nghiệp vụ giấy, quy trình thực hiện trên phần mềm*)

d) Hiện trạng quy trình phối hợp nghiệp vụ thực hiện thủ tục liên thông: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí; Quy trình nghiệp vụ phối hợp giữa các đơn vị tư pháp, công an, BHXH (*nêu rõ thực trạng, tồn tại, nguyên nhân và nguy cơ và nêu rõ quy trình nghiệp vụ giấy, quy trình thực hiện trên phần mềm*)

đ) Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa cấp tỉnh đã đảm bảo theo quy định tại Điều 25 Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Công văn số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn kỹ thuật triển khai Đề án 06 (*Phiên bản 1.0*) (*nêu rõ thực trạng, tồn tại, nguyên nhân và nguy cơ*).

e) Khả năng đồng bộ hồ sơ giữa hệ thống một cửa điện tử của địa phương và Cổng dịch vụ công quốc gia, cổng dịch vụ công các bộ, ngành; Khả năng đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động vận hành, kết nối; khả năng quản lý tài khoản và xác thực tập trung (*nêu rõ thực trạng, tồn tại, nguyên nhân và nguy cơ*).

g) Hiện trạng các hệ thống phần mềm và quy trình thực hiện thủ tục liên thông trên các hệ thống phần mềm:

- Cổng dịch vụ công: Cách thức tạo tài khoản? Các nhóm DVC được phân chia trên cổng? Tiêu chí để phân loại nhóm DVC trên cổng có theo văn bản thống nhất nào trên toàn quốc không? Số lượng DVC mức độ 3, số lượng DVC mức độ 4. Các DVC mức độ 4 đã đảm bảo đúng tiêu chí mức độ 4 chưa? Có DVC nào mức độ 4 mà vẫn yêu cầu người dân mang hồ sơ gốc lên cơ quan tiếp nhận để đối chiếu hồ sơ và nhận kết quả không?

- Hệ thống một cửa điện tử: Nêu tên các bộ phận tham gia vào hệ thống 1 cửa ở các cấp? Đã liên kết với phần mềm nào khác trong công tác giải quyết hồ sơ không? Có cơ chế xác thực dữ liệu hỗ trợ cán bộ trong quá trình giải quyết hồ sơ không? Cơ chế lưu kết quả giải quyết dưới dạng chi tiết các thông tin hay dưới dạng file pdf?

- Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử - Bộ Tư Pháp: các phần mềm của Bộ Tư Pháp có liên kết về dữ liệu với nhau không (*liên kết dữ liệu công dân*)? Có tra cứu được toàn bộ các biến động hộ tịch của 1 công dân không? Việc số hóa sổ hộ tịch được triển khai như nào? Hệ thống đăng ký khai sinh điện tử có liên kết với các phần mềm khác để giải quyết thủ tục DVC liên thông? Kết quả của việc đăng

ký khai sinh thành công có được lưu trữ dưới dạng các thông tin chi tiết không? Các kết quả này có được tận dụng cho các nghiệp vụ khác không? Có bản giấy khai sinh điện tử không? Hệ thống đăng ký khai sinh điện tử có liên kết với hệ thống 1 cửa không? Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử có liên kết với hệ thống hộ không?

- Hệ thống BHXH điện tử - BHXH: các phần mềm của BHXH có liên kết dữ liệu liên thông với nhau không (*liên kết dữ liệu công dân*)? Kết quả thực hiện cấp thẻ BHYT cho trẻ dưới 6 tuổi có được lưu dưới dạng các thông tin chi tiết không? Có được tái sử dụng cho các nghiệp vụ khác không?

- Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về dân cư - Bộ Công an: có liên kết với hệ thống một cửa không? Số lượng hồ sơ đăng ký thường trú lần đầu của dịch vụ công liên thông từ ngày 01/7/2021 đến nay đạt bao nhiêu hồ sơ?

h) Hiện trạng hạ tầng CNTT của các đơn vị tham gia vào thủ tục liên thông, trong đó:

- Hạ tầng CNTT (*hệ thống máy chủ ứng dụng; hệ thống lưu trữ và backup; hệ thống bảo mật gồm: Hệ thống firewall, Hệ thống Antivirus*);

- Kế hoạch, định hướng quy hoạch, trang bị, nâng cấp hạ tầng CNTT của các đơn vị.

(*các nội dung trên nêu rõ thực trạng, tồn tại, nguyên nhân và nguy cơ*)

i) Báo cáo về hiện trạng đường truyền của các đơn vị tham gia vào thủ tục liên thông: Hiện trạng kết nối; Loại kênh; Tốc độ có đáp ứng? (*nêu rõ thực trạng, tồn tại, nguyên nhân và nguy cơ*)

k) Vấn đề về bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống (*nêu rõ thực trạng, tồn tại, nguyên nhân và nguy cơ*)

2.2. Rà soát, báo cáo tiến độ triển khai thực hiện Số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa tài liệu theo nội dung nhiệm vụ chỉ đạo tại Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2022 của Chính phủ về phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 3/2022, trong đó, tập trung báo cáo:

a) Về hạ tầng CNTT phục vụ số hóa (*thiết bị máy chủ, máy trạm, máy scan, thiết bị lưu trữ, ...*).

b) Về quy trình số hóa và việc tái sử dụng kết quả số hóa.

c) Lộ trình, kế hoạch và các nguồn dữ liệu để số hóa của tỉnh như thế nào?

d) Nguồn nhân lực phục vụ số hóa.

(*các nội dung trên nêu rõ thực trạng, tồn tại, nguyên nhân và nguy cơ*)

2.3. Đánh giá việc làm sạch dữ liệu theo Công điện 104/CĐ-TTg ngày 29/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó:

a) Kết quả rà soát, đối chiếu, cập nhật, đồng bộ giữa dữ liệu hộ tịch đã được đăng ký và lưu giữ theo thẩm quyền với dữ liệu về dân cư?

b) Kết quả rà soát, đối chiếu, cập nhật, đồng bộ giữa dữ liệu tiêm chủng với dữ liệu dân cư?

c) Kết quả rà soát, đối chiếu, cập nhật, đồng bộ giữa dữ liệu an sinh xã hội với dữ liệu dân cư?

(các nội dung trên nêu rõ thực trạng, tồn tại, nguyên nhân và nguy cơ)

2.4. Báo cáo kết quả đánh giá thành phần công nghệ thông tin thiết yếu dựa trên văn bản hướng dẫn số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

a) Kết quả rà soát, lập dự án, xây dựng dự toán chi tiết, trong đó so sánh với yêu cầu của hướng dẫn 1552 đang còn thiếu gì?

b) Tồn tại, khó khăn, vướng mắc.

2.5. Kết quả triển khai quy trình làm sạch dữ liệu thông tin tiêm chủng theo Văn bản hướng dẫn số 2622/BYT-CNTT ngày 04/5/2022 của Bộ Y tế; kết quả triển khai Văn bản số 931/BYT-BH ngày 28/02/2022 của Bộ Y tế về sử dụng thẻ CCCD thay thế bảo hiểm xã hội phục vụ khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế, bệnh viện.

a) Kết quả.

b) Tồn tại, khó khăn, vướng mắc.

2.6. Về nguồn nhân lực

a) Báo cáo thực trạng nguồn nhân lực phục vụ dịch vụ công, đặc biệt là lực lượng tại bộ phận một cửa và cán bộ có trình độ công nghệ thông tin, nghiệp vụ chuyên ngành; đánh giá rà soát việc nơi thiếu, nơi dư thừa.

b) Lộ trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đủ trình độ, năng lực để thực hiện công việc được giao theo thẩm quyền; bổ sung, sắp xếp, bố trí nguồn nhân lực phù hợp, đáp ứng yêu cầu công việc triển khai Đề án 06/CP.

2.7. Về kinh phí, ngân sách đầu tư để triển khai

a) Đánh giá, rà soát thực trạng việc đầu tư, có lộ trình giải pháp đầu tư kịp thời và cắt giảm việc đầu tư trùng lắp.

b) Báo cáo kết quả triển khai kinh phí thực hiện theo Văn bản hướng dẫn số 1304/BTC-VI ngày 10/02/2022 của Bộ Tài chính và Văn bản số 933/BKHĐT ngày 16/02/2022 về hướng dẫn bố trí nguồn lực phục vụ thực hiện triển khai Đề án 06/CP.

2.8. Về triển khai một số giải pháp cho các lĩnh vực

Ứng dụng dữ liệu dân cư, CCCD, định danh điện tử thí điểm triển khai áp dụng vào lĩnh vực của đơn vị (nếu có).

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguy cơ; giải pháp, trong đó, tập trung vào các nội dung:

- a) Trong triển khai thực hiện dịch vụ công của công dân trên địa phương.
- b) Hệ thống đường truyền đã đáp ứng với tiến độ vận hành của đơn vị chưa?
- c) Bố trí nguồn nhân lực, trang thiết bị phù hợp với tình hình thực tế, trình độ Công nghệ thông tin của cán bộ phụ trách.
- d) Số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ.
- đ) Quy trình thu nhận hồ sơ cấp tài khoản định danh điện tử.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

- 1. Tiến độ triển khai nhiệm vụ đề ra theo lộ trình;**
- 2. Đánh giá nguy cơ, tồn tại, khó khăn, vướng mắc;**
- 3. Giải pháp thực hiện.**

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Cấp tỉnh (*UBND các địa phương xây dựng báo cáo*)
2. Cấp huyện (*UBND các địa phương xây dựng báo cáo*)
3. Cấp xã (*UBND các địa phương xây dựng báo cáo*)